

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2023/DS-PT

Ngày 22 - 02 - 2023

V/v Tranh chấp bồi thường thiệt
hại ngoài hợp đồng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Phương;

Các Thẩm phán: Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt;

Bà Nguyễn Ái Đoan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Hà - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:

Bà Phan Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2023, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 401/2022/TLPT-DS ngày 30 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp “*Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 131/2022/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 36/2023/QĐ-PT ngày 13 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1972 (có mặt);

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 2001 (Theo Giấy ủy quyền ngày 10/5/2022 – Có mặt) .

Địa chỉ: Ấp L, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ: Số H, ấp L, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Anh Nguyễn Quốc R, sinh năm 1990 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4. *Người làm chứng:*

4.1. Ngô Hoàng N, sinh năm 1975 (có mặt);

Địa chỉ: ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4.2. Huỳnh Thị V, sinh năm 1967 (có mặt);

Địa chỉ: 20 L, phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

4.3. Nguyễn Văn T₁, sinh năm 1961 (có mặt);

Địa chỉ: Tổ M, ấp L, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

4.4. Võ Thị L₁, sinh năm 1948 (có mặt);

Địa chỉ: ấp L, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

4. *Người kháng cáo*: nguyên đơn Nguyễn Văn D.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm;

Theo đơn khởi kiện ngày 22/02/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là ông Nguyễn Văn D và người đại diện theo ủy quyền là chị Nguyễn Thị Hồng L đều trình bày:

Ông Nguyễn Quốc T là chủ sở hữu phần đất trồng thanh long giáp phần đất nhà ông D. Vào ngày 01/5/2022 ông T có yêu cầu anh Nguyễn Quốc R (người làm) xịt thuốc diệt cỏ sang phần đất trồng cỏ nuôi bò của gia đình ông D. Ủy ban nhân dân xã Đ đã lập biên bản lấy lời khai ngày 19/5/2021 có đầy đủ các thành phần tham dự của Ủy ban nhân dân xã, Thú y, Trưởng ấp và Công an xã và hậu quả là 47 con bò của ông D đã bị trúng thuốc diệt cỏ nên có triệu chứng lừ đừ, bỏ ăn, tiêu chảy, đi đứng xiêu vẹo, thần kinh bị kích động. Tổng chi phí ông D phải mua thuốc điều trị, chi phí thú y điều trị và tiền mất đường là 119.664.000 đồng (có chứng từ hóa đơn đính kèm), sau đó có 02 con bò bị chết. Hai con bò này ông D mua với giá gốc 01 con là 25.000.000 đồng và 01 con là 30.000.000 đồng, tổng cộng là 55.000.000 đồng. Tiền công chôn và vôi bột để khử trùng hố chôn là 2.140.000 đồng. Ông D mua 02 con bò này vào ngày 01/10/2020, đến ngày 19/5/2021 thì chết 01 con, số ngày nuôi 261 ngày với số tiền 13.050.000 đồng; con thứ 02 chết ngày 05/6/2021, số ngày nuôi là 277 ngày với số tiền 13.850.000 đồng, tổng chi phí nuôi 02 con bò bị chết là 26.900.000 đồng.

Ông D khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Quốc T bồi thường thiệt hại với số tiền là 203.704.000 đồng (119.664.000đ + 2.140.000đ + 55.000.000đ + 26.900.000đ).

Tại bản tường trình ngày 09/5/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Quốc T trình bày:

Vào đầu tháng 4/2021 ông có thuê anh Nguyễn Quốc R xịt cỏ trong khuôn viên đất có diện tích 2.500m² tại ấp L, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang, xịt thuốc trong phạm vi phần đất của ông có hàng rào. Đến cuối tháng 4, đầu tháng 5/2021 anh R mới xịt thuốc cỏ.

Ngày 01/5/2021 ông D làm ruộng kế bên phần đất của ông có nói là bò nhà ông D ăn phải phần cỏ leo trên hàng rào giáp ranh phần đất của ông nên bị ngộ độc thuốc (cỏ do ông D cắt đem về cho bò ăn).

Vì tình làng nghĩa xóm nên ngày 13/5/2021 ông có đưa cho ông D số tiền 10.000.000 đồng, nhưng sau đó ông D thưa lên Công an xã Đ. Sau khi Công an xã hòa giải thì ông có ý kiến hỗ trợ thêm số tiền 30.000.000 đồng nhưng ông D không đồng ý và tố cáo ông đến Công an thành phố M, ông có ý kiến là hỗ trợ thêm 15.000.000 đồng, tổng cộng là 55.000.000 đồng.

Nay, ông không đồng ý bồi thường số tiền 203.704.000 đồng theo yêu cầu của ông D, chỉ đồng ý hỗ trợ cho ông D số tiền 70.000.000 đồng (đã giao 10.000.000 đồng nên chỉ đưa thêm 60.000.000 đồng) để ông D mua lại 02 con bò để nuôi. Ông yêu cầu ông D phải có chứng cứ chứng minh bò chết là do ăn phải thuốc cỏ do bên vườn ông bay qua, đúng thành phần và loại thuốc ông sử dụng hay không, phải có kết luận giải phẫu pháp y, bệnh phẩm của bò.

Tại bản tự khai ngày 09/5/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Quốc R trình bày:

Cuối tháng 4/2021 ông T có thuê anh phun thuốc trừ cỏ trên mảnh vườn thanh long khoảng 2.000m² của ông T, trong đó có phần giáp ranh với phần đất trồng cỏ nuôi bò của ông D. Do bận việc nên đến sáng ngày 01/5/2021 anh mới bắt đầu phun thuốc trừ cỏ. Do thời tiết vào thời điểm này trưa thường có gió, còn tối thì có mưa nên anh tranh thủ phun vào sáng sớm. Ông T yêu cầu anh phun thuốc cỏ trong khuôn viên đất ông T, xung quanh gốc thanh long.

Do biết ông D trồng cỏ nuôi bò nên anh xịt cỏ dưới chân hàng rào do sợ thuốc bay qua ảnh hưởng. Đến sáng hôm sau thì anh xịt tiếp 02 mảnh vườn khác của ông T. Đến trưa ngày 03/5/2021 thì anh xịt xong và báo cho ông T. Đến chiều ngày 04/5/2021 thì ông D có xuống nhà hỏi anh có xịt thuốc cho ông T không thì anh nói có và báo cho ông T hôm qua (tức trưa ngày 03/5/2021). Sau đó ông D nói bò nhà ông có chuyện, rồi bỏ ra về. Sau đó anh có hỏi thăm nhiều lần thì ông D trả lời là “Đàn bò giờ êm rồi cháu ơi, cậu mừng quá”, nghe nói vậy nên anh cũng mừng rồi đi về. Sau đó anh có nghe bò ông D bị chết 01 con, vài ngày sau thì chết 01 con nữa nhưng không rõ nguyên nhân dẫn đến bò chết.

Thời gian đầu, sau khi xịt thuốc cỏ xong thì anh có qua nhà báo cho ông D nhưng không có người ở nhà. Khi anh gửi chìa khóa ở nhà bà H thì bà H có nói là trước khi ông D cắt cỏ cặp hàng rào ranh với ông T thì có hỏi bà trước. Từ đó đến nay đã được 02 năm, sau mỗi lần xịt cỏ cho nhà ông T thì anh đều có nói cho bà H để bà nhắc lại cho ông D.

Lúc anh xịt thuốc cỏ thì không có gió, anh cũng không có xịt qua phần đất của ông D. Nay đối với yêu cầu của ông D đối với ông T thì anh không có ý kiến gì, vì anh chỉ là người làm thuê cho ông T.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của ông D yêu cầu ông T phải bồi thường thiệt hại với số tiền là 203.704.000 đồng. Ông T không đồng ý bồi thường, nhưng tự nguyện hỗ trợ cho ông D 80.000.000 đồng.

Bản án dân sự sơ thẩm số 131/2022/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng Điều 5, Điều 26, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 584, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn D về việc yêu cầu ông Nguyễn Quốc T bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng số tiền 203.704.000 đồng.

2. Ghi nhận ông Nguyễn Quốc T hỗ trợ cho ông Nguyễn Văn D số tiền 80.000.000 đồng, đã giao trước 10.000.000 đồng nên còn phải giao tiếp là 70.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu đồng*). Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 23/9/2022, nguyên đơn ông Nguyễn Văn D có đơn kháng cáo đối với toàn bộ bản án sơ thẩm số 131/2022/DS-ST ngày 15/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang; yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại, yêu cầu buộc ông Nguyễn Quốc T phải bồi thường thiệt hại cho ông 203.704.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về quan điểm giải quyết yêu cầu kháng cáo: Nguyên đơn kháng cáo yêu cầu ông T bồi thường 203.704.000 đồng do 47 con bò bị ngộ độc thuốc diệt cỏ và hai con bị chết. Tuy nhiên, ông không cung cấp được chứng cứ chứng minh nguyên nhân dẫn đến thiệt hại nêu trên là do bò ăn phải cỏ có thuốc diệt cỏ do ông T phun xịt tại vườn thanh long kế bên vườn trồng cỏ nuôi bò của ông D. Tại phiên tòa, ông T tự nguyện bồi thường thêm 10.000.000 đồng, tổng cộng là 90.000.000 đồng, đã giao 10.000.000 đồng nên còn phải giao tiếp cho ông D 80.000.000 đồng nên ghi nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo không cung cấp được chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa một phần bản án sơ thẩm số 131/2022/DS-ST ngày 15/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Xét đơn kháng cáo và biên lai thu tạm ứng án phí phúc thẩm ông Nguyễn Văn D nộp còn trong thời hạn và hợp lệ, đúng với quy định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật phát sinh tranh chấp yêu cầu giải quyết: Tòa án sơ thẩm xác định tranh chấp “Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng” là phù hợp với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thuộc phạm vi xem xét giải quyết theo quy định tại Khoản 6 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Văn D.

Ông Nguyễn Văn D kháng cáo yêu cầu ông Nguyễn Quốc T bồi thường thiệt hại về tài sản do 47 con bò bị ngộ độc, trong đó có 02 con bị chết với tổng chi phí là 203.704.000 đồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy, mặc dù không có kết luận giám định của cơ quan có thẩm quyền về nguyên nhân dẫn đến 47 con bò bị ngộ độc, trong đó có 02 con bị chết là do bị nhiễm độc thuốc diệt cỏ do ông T phun xịt tại vườn thanh long kế bên vườn trồng cỏ nuôi bò của ông D nhưng tại biên bản hòa giải ngày 07/01/2022 của Ủy ban nhân dân xã Đ, ông T thừa nhận có lỗi do ông một phần. Do đó, cần buộc ông phải bồi thường 50% thiệt hại về tài sản cho ông D. Căn cứ vào lời khai của người làm chứng tại phiên tòa về thực tế điều trị 47 con bò bị ngộ độc, tiêu hủy hai con bò chết cũng như chi phí nuôi bò nên ông T yêu cầu xem xét lại các chi phí hợp lý cho việc khắc phục thiệt hại là không có căn cứ. Bên cạnh đó, ông T không chấp nhận giá hai con bò bị chết khi mua tổng cộng là 55.000.000 đồng nhưng không có căn cứ chứng minh giá bò giống thấp hơn nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, chi phí thiệt hại về tài sản của ông D do 47 con bò bị ngộ độc, trong đó có hai con bị chết tổng cộng là 203.704.000 đồng, là phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, ông T phải bồi thường 50% thiệt hại về tài sản cho ông D tương đương số tiền 101.852.000 đồng. Ông T tự nguyện hỗ trợ 90.000.000 đồng nên cần buộc ông bồi thường tiếp 11.852.000 đồng. Ông D đã nhận 10.000.000 đồng nên ông T có nghĩa vụ bồi thường cho ông D thêm 91.852.000 đồng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D, ghi nhận ông Nguyễn Quốc T hỗ trợ cho ông Nguyễn Văn D số tiền 80.000.000 đồng, đã giao trước 10.000.000 đồng nên còn phải giao tiếp là 70.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu đồng*) là chưa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của ông D, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 131/2022/DS-ST ngày 15/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố M.

[4] Ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần.

[5] Về án phí: Do kháng cáo của ông D được chấp nhận một phần nên ông không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 ngày 30/12/2016 về mức thu án phí, lệ phí của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 147, Khoản 1 Điều 148, Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 584, Điều 585, Điều 595 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Văn D.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 131/2022/DS-ST ngày 15/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D.

Ông Nguyễn Quốc T có nghĩa vụ bồi thường cho ông Nguyễn Văn D số tiền 101.852.000 đồng, đã giao trước 10.000.000 đồng nên còn phải giao tiếp là 91.852.000.000 đồng (*Chín mươi một triệu tám trăm năm mươi hai ngàn đồng*).

Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện theo nội dung quyết định này thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại cho ông D số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0022615 ngày 23/9/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố M.

Ông Nguyễn Văn D chịu 5.092.600 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.000.000 đồng theo biên lai thu số 0004856

ngày 02/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang, nên ông D còn phải nộp tiếp 92.600 đồng.

Ông Nguyễn Quốc T phải chịu 5.092.600 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thành phố M;
- THADS thành phố M;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ánh Phương